ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1332/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đề án Phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao trên địa bàn huyện Phong Điền giai đoạn 2022-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư về nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phát triển vùng nguyên liệu bưởi Thanh Trà đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2850/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kế hoạch tài chính và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án Phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao trên địa bàn huyện Phong Điền giai đoạn 2022-2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi và địa điểm thực hiện: Tại 08 xã, thị trấn thuộc huyện Phong Điền, gồm: Phong Mỹ, Phong Xuân, Phong Sơn, Phong An, Phong Hiền, Phong Thu, Phong Hòa và thị trấn Phong Điền.

2. Đối tượng tham gia

Các Hợp tác xã (HTX), liên hiệp các HTX, các nhóm hộ, hộ gia đình, cá nhân có diện tích trồng cây ăn quả nằm trong quy hoạch sản xuất cây ăn quả thuộc 8 xã, thị trấn.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, gắn với chuỗi giá trị kinh tế cao theo hướng bền vững trên địa bàn huyện Phong Điền; cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân trên một đơn vị diện tích canh tác; thu hút được nguồn lực để chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ; đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện lưới đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất cho nhân dân trên địa bàn huyện Phong Điền.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất từ khâu sản xuất, thu mua, tiêu thụ, nâng cao năng suất lao động và thu nhập cho người dân trên một đơn vị diện tích canh tác.

- Cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho người tiêu dùng.

- Góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp, cây ăn quả theo hướng tập trung, chuyên canh, giảm chi phí đầu tư; tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh thị trường.

c) Chỉ tiêu

- Đến năm 2025 phát triển khoảng 1.475 ha cây ăn quả các loại, trong đó: Diện tích hiện có đến tháng 01/2022: 475 ha, diện tích trồng mới khoảng 1.000 ha (bao gồm Thanh Trà 453 ha, bưởi Da xanh, bưởi đỏ 756 ha, Cam, quýt 216 ha, Nhãn 50 ha,...). Bình quân mỗi năm trồng khoảng 360 ha cây ăn quả các loại.

- Trong giai đoạn 2022-2025: Thu hút từ 02-03 Công ty, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản (trái cây) sau thu hoạch; phát triển được từ 01-02 điểm ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; thành lập mới từ 02-03 HTX/Tổ hợp tác chuyên về sản xuất, kinh doanh sản phẩm cây ăn quả.

4. Nội dung thực hiện

a) Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả: Diện tích; giống (loại cây); hạ tầng.

TT	Đơn vị	Tổng diện tích phát triển	Giai đoạn 2022-2025 (ha)						Ghi chú
			Diện tích hiện có	Trồng lại diện tích bị chết	Chuyển từ đất rừng	Chuyển từ đất trang trại	Chuyển từ đất vườn	Đất khác	
1	Phong Mỹ	219	70	29	30		35	55	
2	Phong Xuân	214	112	4	25	20	53		
3	Phong Sơn	269	33	37	159	30		10	
4	Phong An	45	16	14	10	5			
5	Phong Hiền	46		5		5	14	22	
6	Phong Thu	335	175	35	57			68	
7	Thị trấn Phong Điền	306	57	22	156		18	53	
8	Phong Hòa	41	12	13			6	10	
Tổng		**1.475**	**475**	**159**	**437**	**60**	**126**	**218**	

b) Đầu tư hạ tầng

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, thủy lợi cho vùng sản xuất cây ăn quả đảm bảo tưới tiêu chủ động.

- Chỉnh trang, nâng cấp, đầu tư hệ thống giao thông đảm bảo việc đi lại để thuận tiện cho việc canh tác, chăm sóc, vận chuyển tiêu thụ sản phẩm và vật tư nông nghiệp.

c) Đối tượng tham gia

- Nông dân: Hộ nông dân có nhu cầu tham gia sản xuất phải được tập huấn kỹ thuật và sản xuất theo quy trình kỹ thuật.

- Các Công ty, Doanh nghiệp đầu tư chế biến, bảo quản nông sản (trái cây) sau thu hoạch.

d) Nhu cầu vốn và nguồn vốn thực hiện: Kinh phí khái toán thực hiện đề án khoảng 102.943 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ, đầu tư hạ tầng (giao thông, điện lưới, thủy lợi): 44.080 triệu đồng.

- Hỗ trợ sản xuất trực tiếp (giống, vật tư...): 23.790 triệu đồng.

- Hỗ trợ trồng rừng, trồng rừng thay thế: 34.523 triệu đồng.

- Hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật: 500 triệu đồng.

- Quản lý, điều hành: 50 triệu đồng.

đ) Cơ cấu nguồn vốn

- Ngân sách tỉnh: 44.280 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, xã: 22.610 triệu đồng.
- Các Công ty, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân: 36.053 triệu đồng.

(có các phụ lục kèm theo)

e) Thời gian thực hiện: Năm 2022-2025.

5. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp tuyên truyền, vận động

Quán triệt, thông tin, tuyên truyền để cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực tham gia Đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp toàn diện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025 và Đề án Phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao giai đoạn 2022-2025.

b) Giải pháp về quy hoạch

Rà soát quy hoạch nông thôn mới các xã, quy hoạch chung thị trấn để bổ sung quy hoạch vùng sản xuất; rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm và giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp để phục vụ nhu cầu sản xuất cũng như đầu tư cơ sở hạ tầng; rà soát tổng thể quỹ đất đưa vào phát triển cây ăn quả đảm bảo công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, huyện hàng năm và giai đoạn 2022-2025.

c) Giải pháp về đất đai

- Thực hiện việc tích tụ tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn ứng dụng công nghệ; đối với sản xuất cây ăn quả, cần tập trung đẩy mạnh các hình thức: Chuyển nhượng, liên kết sản xuất hình thành vùng sản xuất lớn và thuê đất.

- Các vùng phát triển sản xuất cây ăn quả phải được thể hiện gắn liền với địa danh cụ thể (tiểu khu, lô, khoảnh; thôn,…) để có cơ sở xây dựng bản đồ, số hóa thông tin vùng sản xuất nếu cần thiết.

d) Giải pháp về phát triển nhân lực

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của các ban, ngành, đoàn trên toàn huyện Phong Điền trong việc tổ chức triển khai thực hiện các đề án tái cơ cấu, sản xuất nông nghiệp. Củng cố lực lượng, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, kỹ thuật về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên toàn huyện.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong trồng trọt nói chung và trồng cây ăn quả nói riêng, nhất là công tác giống, tạo tán tỉa cành, xử lý ra hoa, đậu quả, công nghệ thu hoạch, bảo quản và chế biến....

- Tổ chức tập huấn quy trình sản xuất cho tất cả các trang trại, chủ cơ sở gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi nâng cao giá trị gia tăng.

- Phối hợp với các Viện, Trường đại học để đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, kỹ thuật về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

đ) Giải pháp về giống

UBND huyện Phong Điền làm việc với Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện Di truyền nông nghiệp Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ sở sản xuất giống cây ăn quả có thương hiệu và chất lượng ở miền Nam và khu vực miền Trung để cung ứng nguồn giống vào sản xuất trên địa bàn. Khuyến khích vận động các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất có điều kiện đầu tư sản xuất, bảo tồn giống cây ăn quả trên địa bàn, trong đó chú trọng việc sản xuất giống theo hình thức nuôi cấy mô, lai tạo gen, giống nhập khẩu từ các nước đúng theo quy định.

e) Giải pháp về chuyển giao khoa học công nghệ

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp sản xuất từ khâu gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch theo quy trình chất lượng nhằm nâng cao năng suất, sản lượng sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa, phát triển thương hiệu, hình thành nhãn mác, truy xuất nguồn gốc và có tính cạnh tranh trên thị trường.

Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, bảo quản và chế biến nông sản; phối hợp với các nhà nghiên cứu, khoa học, đơn vị chuyển giao kỹ thuật sản xuất phù hợp với từng vùng, loại cây trồng và đất đai thổ nhưỡng ở từng vùng trên địa bàn huyện Phong Điền.

g) Giải pháp về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Hỗ trợ phát triển, chuẩn hóa các sản phẩm OCOP, lựa chọn sản phẩm chủ lực địa phương và khung giải pháp hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện.

Tích cực kêu gọi, tạo điều kiện để các Công ty, doanh nghiệp, người dân đẩy mạnh các hình thức liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và thương mại hóa sản phẩm nông sản nói chung và cây ăn quả nói riêng trên địa bàn.

h) Giải pháp về nguồn vốn

Nguồn vốn để thực hiện Đề án bao gồm: Ngân sách tỉnh; Ngân sách huyện, xã; huy động các Công ty, doanh nghiệp, hộ gia đình, người dân.

i) Giải pháp về chính sách

Nghiên cứu áp dụng các chính sách đầu tư, hỗ trợ theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND và các chính sách hỗ trợ khác có liên quan.

k) Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và tổ chức sản xuất phù hợp về cây ăn quả; phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các chính sách hỗ trợ để thực hiện Đề án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu lồng ghép nguồn lực hỗ trợ thực hiện Đề án.

- Sở Tài chính: Tham mưu, cân đối, bố trí ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Đề án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất đai như thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tích tụ tập trung đất đai để phát triển sản xuất cây ăn quả,...

- UBND huyện Phong Điền

+ Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về sản xuất nông nghiệp; đồng thời đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và chế biến nông sản trên địa bàn huyện nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích; từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Triển khai và tổ chức thực hiện Đề án. Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan trong quá trình thực hiện.

+ Cân đối, bố trí ngân sách huyện hỗ trợ thực hiện Đề án.

+ Chỉ đạo, điều hành chung, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể các phòng, ban chuyên môn trực thuộc, các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp,... có liên quan để tham gia vào thực hiện Đề án đạt kết quả và mục tiêu đã đề ra.

- UBND các xã, Hợp tác xã nông nghiệp thuộc phạm vi Đề án: Tổ chức và triển khai thực hiện Đề án thuộc quản lý; Hợp tác xã trực tiếp theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra đảm bảo thực hiện đúng nội dung Đề án đã được phê duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Phong Điền và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: TH, TC, ĐC;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Hải Minh

Phụ lục I

DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ XÂY DỰNG HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN TRỒNG CÂY ĂN QUẢ GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí đầu tư hạ tầng	Đường giao thông		Điện sản xuất			Thủy lợi				
			Bê tông	Cấp phối	Trạm	Dây trung thế	Dây hạ thế	Trạm bơm	Kênh mương	Máy bơm nước	Ống dẫn nước chính	Cải tạo hồ chứa nước
		(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)	(trđ)
1	Phong Mỹ	7.735	1.500	900	-	1.335	1.000	1.000	800	300	400	500
2	Phong Xuân	7.285	1.500	900	150	1.335	1.000	400	800	300	400	500
3	Phong Sơn	7.285	1.500	900	150	1.335	1.000	400	800	300	400	500
4	Phong An	4.145	750	600	-	445	500	200	800	150	200	500
5	Phong Hiền	4.295	750	600	150	445	500	200	800	150	200	500
6	Phong Thu	6.190	750	600	150	890	500	200	800	400	400	1.500
7	Thị trấn Phong Điền	4.585	750	300	150	445	500	600	800	300	240	500
8	Phong Hòa	2.560	-	300	-	-	500	200	800	100	160	500
Tổng cộng:		**44.080**	**7.500**	**5.100**	**750**	**6.230**	**5.500**	**3.200**	**6.400**	**2.000**	**2.400**	**5.000**

Ghi chú:

Về kết cấu hạ tầng đầu tư:

Trạm biến áp loại 100KVA.

Đường dây: Trung thế 22Kv và Hạ thế 0,4 Kv.

Đường ống nước loại (bình quân lấy D100).

Mặt đường giao: Bê tông: 3,5m x 0,3m (lề 2m); cấp phối: K95.

Phụ lục II

NGUỒN VỐN VÀ TỶ LỆ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG, MÁY MÓC THIẾT BỊ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Hạng mục đầu tư, hỗ trợ xây dựng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó:			Tỷ lệ đầu tư, hỗ trợ (%)			Ghi chú
			Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện, xã hỗ trợ	DN, HTX, Nhân dân đóng góp	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện, xã hỗ trợ	DN, HTX, Nhân dân đóng góp	
1	***Giao thông***	**12.600**	**6.300**	**6.300**	**0**				
	- Bê tông	7.500	3.750	3.750	0	50	50		*1.500 triệu/km*
	- Cấp phối	5.100	2.550	2.550	0	50	50		*600 triệu/km*
2	***Điện sản xuất***	**12.480**	**3.744**	**6.240**	**2.496**				
	- Trạm	750	225	375	150	30	50	20	*150 triệu/trạm*
	- Dây Trung thế	6.230	1.869	3.115	1.246	30	50	20	*890 triệu/km*
	- Dây Hạ thế	5.500	1.650	2.750	1.100	30	50	20	*500 triệu/km*
3	***Thủy lợi***	**19.000**	**5.080**	**9.520**	**4.400**				
	- Trạm bơm	3.200	960	1.600	640	30	50	20	*180 triệu/trạm*
	- Kênh mương	6.400	1.920	3.200	1.280	30	50	20	*800 triệu/km*
	- Cải tạo hồ thủy lợi	5.000	0	4.000	1.000		80	20	*1.000 triệu/hồ*
	- Hệ thống tưới tiên tiến				0				
	+ Máy bơm nước	2.000	1.000	0	1.000	50		50	*15 triệu/máy*
	+ Ống dẫn nước chính	2.400	1.200	720	480	50	30	20	*80 triệu/km*
	+ Ống dẫn nước nội bộ					50		50	*Hỗ trợ theo dự án thực tế*
4	***Hạ tầng, máy móc thiết bị***								
	+ Máy móc sản xuất					30	20	50	
	+ Nhà xưởng					30	20	50	
	+ Nhà kho					30	20	50	
Tổng cộng:		**44.080**	**15.124**	**22.060**	**6.896**				

Phụ lục III

NGUỒN VỐN VÀ TỶ LỆ ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ SẢN XUẤT, TRỒNG RỪNG THAY THẾ, QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Hạng mục đầu tư, hỗ trợ xây dựng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó:			Tỷ lệ đầu tư, hỗ trợ (%)			Ghi chú
			Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện, xã hỗ trợ	DN, HTX, Nhân dân đóng góp	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện, xã hỗ trợ	DN, HTX, Nhân dân đóng góp	
1	**Đầu tư, hỗ trợ sản xuất**	**23.790**	11.895		11.895				
	- Giống cây ăn quả (trồng mới)	11.790	5.895		5.895				
	+ Thanh trà	2.410	1.205		1.205	50		50	
	+ Bưởi Da xanh	5.400	2.700		2.700	50		50	
	+ Cam, quýt	3.380	1.690		1.690	50		50	
	+ Nhãn	600	300		300	50		50	
	- Phân bón, thuốc BVTV,...	12.000	6.000		6.000	50		50	
2	**Đầu tư, hỗ trợ trồng rừng thay thế**	**34.523**	17.262		17.262	50		50	
3	**Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật**	**500**		500			100		
4	**Quản lý, điều hành**	**50**		50			100		
Tổng cộng:		**58.863**	**29.157**	**550**	**29.157**				

Ghi chú:

1.Diện tích quy hoạch: 1.475 ha, diện tích hiện có 475 ha. Diện tích trồng mới 1.000 ha, gồm: Thang trà 241 ha, bưởi Da xanh, đỏ: 540 ha, cam, quýt 169 ha, nhãn 50 ha

2. Đơn giá:

- Giống: Thanh trà, bưởi Da xanh: 10 triệu/ha; cam quýt: 20 triệu/ha; nhãn: 12 triệu/ha.

- Phân bón, chế phẩm sinh học, vôi, thuốc BVTV,...: Bình quân 12 triệu/ha.

- Trồng từng thay thế: 79 triệu đồng/ha

Phụ lục IV

TỔNG KINH PHÍ KHÁI TOÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Hạng mục đầu tư, hỗ trợ xây dựng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó:			Tỷ lệ đầu tư, hỗ trợ (%)			Ghi chú
			Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện, xã hỗ trợ	DN, HTX, Nhân dân đóng góp	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện, xã hỗ trợ	DN, HTX, Nhân dân đóng góp	
1	**Đầu tư, hỗ trợ cơ sở hạ tầng**	**44.080**	15.124	22.060	6.896				
	- Giao thông	**12.600**	6.300	6.300		50	50		
	- Điện lưới	**12.480**	3.744	6.240	2.496	50	50		
	- Thủy lợi	**19.000**	5.080	9.520	4.400	30	50	20	
2	**Đầu tư, hỗ trợ sản xuất**	**23.790**	11.895	-	11.895				
	- Giống	**11.790**	5.895	-	5.895	50		50	
	- Vật tư phân bón, thuốc	**12.000**	6.000	-	6.000	50		50	
2	**Đầu tư, hỗ trợ trồng rừng thay thế**	**34.523**	17.262	-	17.262	50		50	
3	**Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật**	**500**		500			100		
4	**Quản lý, điều hành**	**50**		50			100		
Tổng cộng:		**102.943**	**44.280**	**22.610**	**36.053**				